

LD-VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+CTK3+GTC1	7:25	21+1+0	0+0+0		14+7+1	0+0+0	
2		PPD+RP3+TD3	7:25	5+7+4	0+0+0		4+9+9	0+0+0	
3		RP2+CTK3+BK20	9:25	17+4+1	0+0+0		14+3+0	0+0+0	CHUYEN 3 CTK3-BK20
4		TD2+P1+BK6	9:25	22+0+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 NGUOI GTC1 VỀ ĐI BK20



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2024	TO: TD1 - CTK3 - GTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W	COMPANY	NATION
1	VU VAN QUY	TD1	02	1	3		50	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG NGOC SON	TD1	09	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN GIANG	TD1	05	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG TUAN ANH	TD1	18	1	13		74	KHOAN	Vietnamese
5	DUONG MINH ĐỨC	TD1	17	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO MINH DUNG	TD1	16	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH HUY TOAN	TD1	03	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	LUU THIEN ĐỨC	TD1	07	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ VĂN HẬU	TD1	06	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH LUÂN	TD1	19	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	20	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	15	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO TRƯỞNG GIANG	TD1	04	1	13		67	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐẶC DÂN	TD1	98-99	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN NAM HOANG	TD1	90-91	2	21		56	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ ANH TUÂN	TD1	92-93	2	11		70	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN PHÚ	TD1	01,400	2	22		68	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN THANH	TD1	97	1	3	21	63	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN DUY KHIEM	TD1	12	1	8	15	67	D-HANH	Vietnamese
20	CAO KINH THAO	TD1	13-14	2	22		67	T-TIN	Vietnamese
21	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	10-11	2	10		71	PSV	Vietnamese
22	LUU QUANG ĐẠT	CTK3	58,300	2	20		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	27	192	1.361	36	14		
2	CTK3	1	2	20	70	0	7		
3	GTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	29	212	1.431	36	22		
WEIGHT KG				212	1.431	36			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2024	TO: PPD - RP3 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NAM	PPD	14-15	2	13	11	90	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LEM	PPD	10	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN DAI NGHIA	PPD	12-13	2	13		52	CODIEN	Vietnamese
4	HOANG HUU TRONG	PPD	16	1	15		66	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG PHONG	PPD	17	1	12		66	CODIEN	Vietnamese
6	TRAN DUY TIEN	RP3	18-19	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VAN QUANG	RP3	20-21	2	18	39	75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG TRUNG	RP3	24-25	2	12		74	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM TUNG DUONG	RP3	22-23	2	10	16	78	XAYLAP	Vietnamese
10	VU BAO THANH	RP3	14-15	2	18		81	NIPI	Vietnamese
11	DAO HAI NAM	RP3	16-17	2	13		73	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUNG (1966)	RP3	11	1	3		60	PSV	Vietnamese
13	LE DUY AN	RP3	12	1	13		120	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BAO	RP3	13	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
15	PHAN PHI LONG	TD3	66-67	2	18	14	75	XAYLAP	Vietnamese
16	TRINH HUU CHUNG	TD3	68-69	2	19		86	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN BA LUC	TD3	70	1	17		76	XAYLAP	Vietnamese
18	LE CONG TUONG	TD3	64-65	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	7	65	342	11	4		
2	RP3	9	15	114	697	55	9		
3	TD3	4	7	66	305	14	9		
TOTAL		18	29	245	1.344	80	22		
WEIGHT KG				245	1.344	80			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/07/2024	TO: RP2 - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Q.Trường	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	RP2					80	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN DOANH	RP2					70	KHOAN	Vietnamese
3	CAO DINH THANH	RP2	81	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN HAU	RP2	87	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN LE KIEN	RP2	85	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGO VAN BAC	RP2	83	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
7	VU THE NANG	RP2	82	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DUY TAN	RP2	88	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUYNH	RP2	77	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHAT QUANG	RP2	84	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
11	LE XUAN TUYEN	RP2					61	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC TU	RP2	80	1	5	60	70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN HOA	RP2	89-90	2	10		79	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN ANH	RP2	86	1	14		64	DVL	Vietnamese
15	BAN PHUC LONG	RP2	79	1	15		72	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HOI	RP2	78	1	12		65	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LAP	RP2	76	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	DINH MAI THIEN	CTK3	65-66	2	13		72	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN HIEP THANH	CTK3	64	1	9		78	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN TRI PHUOC	CTK3	11	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
21	DAO DUY DIEP	CTK3	63	1	12	15	81	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN TRI CHUNG**	BK20	60	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	15	100	1.163	60	14		CHUYEN 3 PAX CTK3-BK20
2	CTK3	4	5	44	303	15	3	3	
3	BK20	1	1	6	60	0	0		
TOTAL		22	21	150	1.526	75	17		
WEIGHT KG				150	1.526	75			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/07/2024	TO: TD2 - P1 - BK6	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - Huy	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W	COMPANY	NATION
1	BUI VAN CHINH	TD2				30	86	KHOAN	Vietnamese
2	VUONG DINH LIEN	TD2	35	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC DUNG	TD2	34	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
4	DO VAN CUONG	TD2	36	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	LE VIET CHIEN	TD2	38	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM NGOC HAI	TD2	37	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN DUC CUONG	TD2	41-42	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
8	LE TIEN DUONG	TD2	40	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HUY DUNG	TD2	28-29	2	8		82	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM TIEN VINH	TD2	33	1	13		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DONG	TD2	32	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
12	BUI THAI QUI	TD2	46	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG TUYEN	TD2	43	1	15		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LAM VAN HANH	TD2	44	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN CUONG	TD2	45	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
16	DINH VIET DUNG	TD2	39	1	7		62	DVL	Vietnamese
17	PHAM DUC CANH	TD2	27	1	3		63	PSV	Vietnamese
18	VU MANH DUNG	TD2	30-31	2	9		77	PSV	Vietnamese
19	HOANG HUU THU	TD2	68	1	6		74	PSV	Vietnamese
20	BUI KIEN DUC	TD2	52-53	2	13		88	NHATHAU	Vietnamese
21	DO XUAN CONG	TD2	50-51	2	8		52	NHATHAU	Vietnamese
22	BUI SONG TOAN	TD2	47	1	7		76	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	26	178	1.584	30	20		
2	P1	0	0	0	0	0	1		
3	BK6	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		22	26	178	1.584	50	22		
WEIGHT KG				178	1.584	50			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RC8+RC4	7:25	0+19+1	0+0+0		0+19+3	0+0+0	CHUYEN 1 TD3+RC8
2		TD3+MRM+TD2	7:25	3+1+11	0+0+0		9+1+12	0+0+0	CHUYEN 1 TD3+TD2
3		TD5+TD2	9:25	18+4	0+0		17+5	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/07/2024	TO: TD3 - RC8 - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - PTUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	62	1	5		118	KHOAN	Russian
2	BUI HUU VUNG	TD3	56	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG MINH TOAN	TD3	52	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VAN KIEM	TD3	47	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	DO THANH HAI	TD3	59	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM TRUONG ANH	TD3	53	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
7	VU TOAN THANG	TD3	46	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MINH THANG	TD3	57	1	4		129	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TIEN CHUNG	TD3	55	1	8		89	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN DUC THANG	TD3	54	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
11	MAI TUAN KIET	TD3	50	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
12	LE NGOC LUAN	TD3	58	1	11	55	67	KHOAN	Vietnamese
13	DOAN VAN KHUU	TD3	61	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG HUE	TD3	51	1	12		57	KHOAN	Vietnamese
15	DOAN VAN MUOI	TD3	60	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH VAN TIEN	TD3	42	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN MINH	TD3	48	1	15	10	60	XAYLAP	Vietnamese
18	TRINH QUANG HUY	RC4	48-49	2	10	25	70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	17	145	1.339	65	19	11	CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG RC8
2	RC8	0	0	0	0	0	0		
3	RC4	1	2	10	70	25	3		
TOTAL		18	19	155	1.409	90	22		
WEIGHT KG				155	1.409	90			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/07/2024	TO: TD3 - MRM - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - Dũng	ETA: 09:30
cam - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NAM	TD3	98-99	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
2	QUÁCH ĐẶC THẠNH	TD3	900	1	4	60	50	PSV	Vietnamese
3	BUI HAI THANH	TD3	94-95	2	16		66	PSV	Vietnamese
4	DINH VU THANH	TD3	92-93	2	22		80	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN DANH LUAT	TD3	96-97	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
6	ORLOV MAXIM	MRM	92	1	12		78	AMNGR	Russian
7	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	54	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	VU VĂN ĐOAI	TD2	56	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TRUNG HIEU	TD2	55	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	61	1	3		83	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	57	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2				40	65	KHOAN	Vietnamese
13	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	58	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HỮU HẬU	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HUNG CUONG	TD2	59	1	7		99	KHOAN	Vietnamese
16	HỒ VĂN HUNG	TD2	62-63	2	8		74	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG MINH PHUC	TD2	60	1	8		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	5	9	80	331	60	9	1	CHUYEN 1 PAX TD3 - TD2
2	MRM	1	1	12	78	0	1		
3	TD2	11	10	56	835	40	12		
TOTAL		17	20	148	1.244	100	22		
WEIGHT KG				148	1.244	100			

GRAND TOAL: 1.492 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/07/2024	TO: TD5 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - PTUÂN	ETA: 11:30
HONG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHUSH MAKSIM	TD5	36	1	8		102	KHOAN	Russian
2	NGUYEN XUAN THE	TD5	37	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
3	VI HUNG CUONG	TD5	35	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
4	BUI XUAN KHOA	TD5	43	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
5	LUU VAN MANH	TD5	38	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN THIEU	TD5	72	1	9		86	KHOAN	Vietnamese
7	HA VAN PHUC	TD5	30	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUNG	TD5	32	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM DANG KHOI	TD5	75	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
10	LE THANH NGOC	TD5	41-42	2	13		48	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DINH HUYNH	TD5	33	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
12	TRANG NGOC HUNG	TD5	39	1	15		63	KHOAN	Vietnamese
13	VU ANH HIEU	TD5	73-74	2	22		57	SCHLUMB	Vietnamese
14	VUONG DINH DONG	TD5	34	1	8		91	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DANG NAM	TD5	40	1	4		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HANH	TD5	77	1	4		59	PSV	Vietnamese
17	DOAN TRUNG KIEN	TD5	76	1	3		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VINH	TD5	31	1	3		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN QUAN	TD2	66	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
20	LE TRUONG LAM	TD2	68	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG VIET LINH	TD2	69	1	8	80	108	KHOAN	Vietnamese
22	HOANG MINH SON	TD2	67	1	11		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	20	133	1.298	0	17		
2	TD2	4	4	30	314	80	5		
TOTAL		22	24	163	1.612	80	22		
WEIGHT KG				163	1.612	80			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P2	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
2		TD2+BK4	7:25	9+11	0+0		8+13	0+0	
3		TD5+P10	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
4		P9+P2	9:25	5+16	0+0		1+21	0+0	
5		P9	9:25	22	0		22	0	
6		P10+P2	9:25	19+2	0+0		16+6	0+0	
7		BK21+P4+P11	11:25	4+6+11	0+0+0		0+1+20	0+0+0	
8		P2+TD2+BK4	11:25	17+0+0	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
9		BK10+BK15+RC10	11:25	11+10+0	0+0+0		8+11+2	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK3-3NG, BK4-5NG, P2- 5NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	TO: TD3 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC NGHIA	TD3	82	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
2	LE SY HUNG	TD3	81	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VAN NGHIA	TD3	86	1	4	70	79	KHOAN	Vietnamese
4	LUU QUYET THANG	TD3					66	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN XUAN KY	TD3	76	1	3		90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH NGOC	TD3	80	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	DOONG VAN HOANG	TD3	84-85	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
8	VAN TUAN DUNG	TD3	77-78	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VIET HUNG	TD3	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NHAN	TD3	87	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN SON HAI	TD3	83	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DAI DUONG	TD3	88	1	4	15	78	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUC CUONG	P2	42	1	5		65	NAM TIEN	Vietnamese
14	LE HONG DAI	P2	43	1	4		74	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MINH	P2				35	81	KHI	Vietnamese
16	ĐANG THE ANH	P2	38	1	3		68	NIPI	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN THANG	P2					62	NIPI	Vietnamese
18	NGUYEN KHAC QUOC	P2	32	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN DAT	P2	41	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG VAN THUAN	P2	44	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ ANH NGỌC	P2	36-37	2	19		72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN DINH DAI	P2	40	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	13	56	879	85	11		
2	P2	10	9	55	711	35	11		
TOTAL		22	22	111	1.590	120	22		
WEIGHT KG				111	1.590	120			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	TO: TD2 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	TD2					72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	TD2					75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TUAN ANH	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO VĂN ĐỨC	TD2	100	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VU XUAN THUY	TD2	04	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHUNG ANH TUAN	TD2	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU QUYNH AN	TD2	01-02	2	9		105	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LINH	TD2	05	1	5		68	PSV	Vietnamese
9	DOAN CHI TAI	TD2	06	1	5		71	PSV	Vietnamese
10	VU VAN MANH	BK4					80	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VAN SY	BK4					67	KH-THAC	Vietnamese
12	MIKHAILOV	BK4	75	1	2		88	KH-THAC	Russian
13	TRAN MANH HUNG	BK4					71	YTE	Vietnamese
14	NGUYEN MINH TRUNG	BK4	72	1	5	20	75	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ĐANG	BK4	68-69	2	13		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO ĐANG ĐỨC	BK4					70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÔNG VĂN THỊNH	BK4	71	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM XUAN MANH	BK4	70	1	4		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC THANH	BK4	74	1	3		56	PSV	Vietnamese
20	VU TIEN NGOC	BK4	73	1	10		80	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	9	7	34	667	0	8		
2	BK4	11	8	43	816	20	13		
TOTAL		20	15	77	1.483	20	21		
WEIGHT KG				77	1.483	20			

GRAND TOAL: 1.580 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	TO: TD5 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHaì - VAnh - dũng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BACH TÙNG	TD5	89	1	3	40	82	KHOAN	Vietnamese
2	LƯU VĂN PHONG	TD5					72	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	95	1	8		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANH VŨ	TD5	81	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ HOÀNG BẢO AN	TD5	86	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HAI	TD5	83	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
7	TÔ THANH HÙNG	TD5	88	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	85	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5					60	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	84	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	87	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	LƯƠNG MINH PHỤNG	TD5	90	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHỤNG QUÊ	TD5	82	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH THẾ ANH	TD5	91	1	13	12	69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD5	92	1	6		62	DVL	Vietnamese
16	CHU ĐÌNH THANH	TD5	94	1	7		55	DVL	Vietnamese
17	LÊ THANH TÚ	TD5	93	1	9		79	DVL	Vietnamese
18	K LOC	P10	29	1	8	70	66	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HUYNH VŨ	P10	36-37	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH KHOA	P10	28	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	27	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI THE MẠNH	P10	30-31	2	9		78	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	15	91	1.176	52	15		
2	P10	5	7	40	347	70	7		
TOTAL		22	22	131	1.523	122	22		
WEIGHT KG				131	1.523	122			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	TO: P9 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - Sơn - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN A.	P9	31	1	15		120	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN MANH HUNG	P9	33	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN LINH	P9	32	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HIEU	P9	28-29	2	14		67	YTE	Vietnamese
5	TRAN THANH HAI	P9	30	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
6	HA VAN TRUNG	P2	81-82	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU PHI	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
8	LE CONG LUU	P2	90	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO QUANG THIET	P2	83	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG TRỌNG THAO	P2	84	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOAN KHAC CAN	P2	98	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN DO	P2	97	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DAT	P2	80	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG HOANG HIEU	P2	88-89	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN QUY DUNG	P2	85	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
16	TA VAN CUONG	P2	95-96	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN XUAN LOC	P2	78-79	2	18		59	XAYLAP	Vietnamese
18	VO VAN QUANG	P2	86-87	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HAI	P2	99,100	2	13		50	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM	P2	91-92	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI HUY HONG	P2	93-94	2	12		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	6	62	421	0	1		
2	P2	16	23	185	1.091	0	21		
TOTAL		21	29	247	1.512	0	22		
WEIGHT KG				247	1.512	0			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	TO: P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường -	ETA: 11:45
CAM-2		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH THUY (5406)	P9	53	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐỨC MINH	P9	60	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN DUY	P9	62-63	2	7	60	74	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NGOC THÂN	P9					77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO AN CHUNG	P9	59	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THUY (15598)	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET CUONG	P9	44	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET THANG	P9	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ SĨ BÌNH	P9	48	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH THUÂN	P9	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BĂNG	P9	47	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN DUNG	P9	52	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN TUNG	P9	45	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HAI	P9	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN CU	P9					65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CAO CHI	P9	61	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC CHAN	P9	54	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGUYEN MẠNH TUƠNG	P9	55-56	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO MINH PHUONG	P9	51	1	11		88	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN CHUONG	P9	57-58	2	20		74	ANTOAN	Vietnamese
21	PHẠM NGOC SON	P9	43	1	5		83	NIPI	Vietnamese
22	TRẦN KIM THANH	P9	42	1	7		75	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	22	123	1.563	60	22		
TOTAL		22	22	123	1.563	60	22		
WEIGHT KG				123	1.563	60			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: P10 - P2	CREW: LHai - VAnh - dũng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	43	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC HAI	P10	54	1	10		97	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIEN HOANG SON	P10	51	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	47	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC BA	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
6	VU BAO TRUNG	P10	58	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC THANH	P10	41	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN LỢI	P10	57	1	13		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	50	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	56	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	44	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	53	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	55	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	52	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CHÍ HIỆU	P10	48	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	42	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	46	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	45	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THẾ CÔNG	P10	49	1	3		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DUY	P2	10	1	10	30	58	XAYLAP	Vietnamese
21	TRỊNH ĐẶC HÙNG	P2	08-09	2	22		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	18	99	1.363	0	16		
2	P2	2	3	32	125	30	6		
TOTAL		21	21	131	1.488	30	22		
WEIGHT KG				131	1.488	30			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	TO: BK21 - P4 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - Vũ	ETA: 14:00
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ NGỌC BÈN	BK21	60	1	14	20	67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG VŨ	BK21	61	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN HIỆU	BK21	59	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MINH TÙNG	BK21	62	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN THỊNH	P4	05	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN NAM	P4	57	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC NAM	P4	55-56	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P4	06-07	2	18	12	63	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HẸ	P4	03-04	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
10	LẠI ĐĂNG ROONG	P4	02,54	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
11	HỒ TRƯỞNG KIẾN	P11	23-24	2	18		92	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÀ	P11	21	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT DŨNG	P11	17	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	18	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN KIM THẠCH	P11	25-26	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P11	28-29	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	27	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HÙNG	P11	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUÂN	P11	19	1	5		90	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	20	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	4	4	55	282	20	0		
2	P4	6	10	97	382	12	1		
3	P11	11	14	79	804	0	20		
TOTAL		21	28	231	1.468	32	21		
WEIGHT KG				231	1.468	32			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Pilot lấy đủ rồi



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	TO: P2 - TD2 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - MQUAN	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DUY AN	P2	68-69	2	22		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TẠ HỒNG QUÂN	P2	66	1	7	20	47	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN CHÍNH ĐƯƠNG	P2	54-55	2	23		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VINH THAO	P2	61-62	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
5	NHÂM ĐÌNH THUẬN	P2	70-71	2	22		60	XAYLAP	Vietnamese
6	TRƯỜNG VĂN NGHĨA	P2	72-73	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÌNH QUANG SƠN	P2	63-64	2	22		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN DŨNG	P2	65	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÀO XUÂN HÒA	P2	76	1	7		50	T-TIN	Vietnamese
10	HÀ QUỐC VINH	P2	77	1	4		67	PSV	Vietnamese
11	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	56	1	5		51	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	P2	74-75	2	8		69	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SA	P2	53	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN THANH	P2	57	1	7		72	NHATHAU	Vietnamese
15	NGUYỄN HOANG LONG	P2	58-59	2	22		64	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	23	202	930	20	12		
2	TD2	0	0	0	0	20	4		
3	BK4	0	0	0	0	10	6		
TOTAL		15	23	202	930	50	22		
WEIGHT KG				202	930	50			

GRAND TOAL: 1.182 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	TO: BK10 - BK15 - RC10	CREW: LHai - ĐỨC - dũng	ETA: 14:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	11	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG VŨ	BK10					72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG GIANG	BK10	97	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	12	1	4		51	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TUẤN ANH	BK10	98-99	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO AN TUẤN	BK10	02	1	12	50	51	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH NGỌC	BK10	06-07	2	20		97	XAYLAP	Vietnamese
8	DƯƠNG ĐĂNG CUÔNG	BK10	08	1	16	43	73	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ANH CUÔNG	BK10	09-10	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN THANH HÙNG	BK10	04-05	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	BK10	03	1	10		79	PSV	Vietnamese
12	PHUNG HA TAI	BK15	04	1	8		110	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	05	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	08	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUƠNG HOE	BK15	01	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG KHA	BK15	03	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN VĂN CHUNG	BK15	10-11	2	18		80	ANTOAN	Vietnamese
18	NGÔ VĂN TÍNH	BK15	09	1	11		65	ANTOAN	Vietnamese
19	LÊ XUÂN KHOE	BK15	99,400	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG VŨ	BK15	06-07	2	18		45	XAYLAP	Vietnamese
21	NGO THE ANH	BK15	02	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	11	14	120	799	93	8		
2	BK15	10	13	96	699	0	11		
3	RC10	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		21	27	216	1.498	113	21		
WEIGHT KG				216	1.498	113			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN